

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 21-01-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Hữu Luynh**

2. Ông **Lê Văn Hiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Đạt Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX - ST ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến Tr**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Tr có mặt, anh Tr vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2020 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Tiến Tr sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 03 tháng, đến ngày 11/01/2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng ở thôn L, xã T, huyện Đ được một thời gian thì chuyển về ở cùng với gia đình chị tại thôn K, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr sống không có trách nhiệm với vợ con, ham chơi cờ bạc, số đề, hay nhậu nhọt say sấn dẫn đến vợ chồng cãi vã, thậm chí có lần anh Triều còn đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa thuận, hay xích mích, chửi bới lẫn nhau từ những chuyện

nhỏ nhất. Tháng 10/2020, anh Tr đã về nhà mẹ ruột ở thôn L sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, người nào chỉ biết bổn phận người ấy, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Tr.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày: 20/8/2018. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi đủ 18 tuổi. Chị đang làm công nhân của Công ty Applo, thu nhập 4.000.000/tháng, đảm bảo để nuôi dưỡng con phát triển tốt nên không yêu cầu anh Triều phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà để hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị và anh Tr không có nợ chung.

Theo bản tự khai và lời khai tại biên bản đối chất ngày 12/11/2020, bị đơn anh Nguyễn Tiến Tr trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tr trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn nêu trên là đúng sự thật. Anh và chị Tr đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 11/01/2018, có tổ chức lễ cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình của cha mẹ anh ở thôn L được vài tháng thì chuyển lên nhà mẹ vợ tại thôn K, xã T ở. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có thời gian hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ham chơi bời, không chăm sóc cho vợ con, anh cũng thừa nhận do vui bạn bè nên có chơi cờ bạc, số đề, cũng hay nhậu nhọt và có lời lẽ chửi bới vợ, anh cũng thừa nhận do bức tức không kiềm chế bản thân nên có lần đã đánh vợ, đập phá đồ đạc trong nhà. Từ đó vợ chồng xảy ra xung đột, cãi vã, cuộc sống chung căng thẳng. Từ tháng 10/2020, anh đã về nhà cha mẹ ruột ở thôn L sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Tr xin ly hôn thì anh không đồng ý vì vẫn còn thương yêu vợ, không muốn gia đình tan vỡ.

Về con chung: Anh và chị Tr có một người con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày: 20/8/2018. Hiện nay cháu H đang do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm nghề tài xế, thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng nên đảm bảo nuôi con tốt.

Về tài sản chung: Anh và chị Tr tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Do bị đơn anh Tr có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải. Mặt khác, nguyên đơn chị Tr có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Tr; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến H, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết mà để các bên tự thỏa thuận; về nợ chung, chị và anh Triều không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Tr.

Về con chung: Giao cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến H; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Do không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr, bị đơn anh Nguyễn Tiến Tr. Anh Tr cư trú tại thôn L, xã T, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Bị đơn anh Tr vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tr theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tr và anh Tr đã được UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2018 ngày 11/01/2018, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Tr là hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”

Xem xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Tr, anh Tr thì thấy quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Chị Tr thì cho rằng anh Tr sống không có trách nhiệm với vợ con, ham chơi bởi cờ bạc, số đề, nhậu nhọt say sấn dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, thậm chí có lần anh Tr còn đánh chị, đập phá đồ đạc trong nhà, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa thuận, hay xích mích từ những chuyện nhỏ nhặt. Còn anh Tr cho rằng nguyên nhân là do anh ham chơi bởi, không chăm sóc cho vợ con, anh thừa nhận

do bức tức không kiềm chế bản thân nên có lần đã đánh vợ, đập phá đồ đạc trong nhà. Từ đó vợ chồng xảy ra xung đột, cãi vã, cuộc sống chung căng thẳng.

Mặt khác, Tòa án tiến hành xác minh ông Lê Bá V là trưởng thôn L, xã T, ông V cho biết *“Sau khi kết hôn, chị Tr và anh Tr chung sống với bên nhà bố mẹ anh Tr tại thôn L một thời gian thì chuyển về thôn K sinh sống cùng gia đình chị Tr. Trong cuộc sống vợ chồng thì có xảy ra xích mích, xung đột, cãi vã nhau nên anh Tr đã về nhà bố mẹ ở thôn L từ tháng 10/2020 và vợ chồng ly thân từ đó”*. Tại biên bản xác minh ngày 28/10/2020, bà Trịnh Thị K là mẹ của chị Tr cho biết *“Quá trình chung sống bà nhận thấy vợ chồng chị Tr sống không hạnh phúc, anh Tr tính tình nóng nảy, hay uống rượu say về quậy phá, đập đồ đạc trong nhà, chửi bới vợ, thậm chí có lần đánh chị Tr”*.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Tr là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ mà cả hai đã sống ly thân từ tháng 10/2020, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn hủn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã phân tích động viên để chị Tr trở về đoàn tụ cùng anh Tr nhưng chị Tr vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Tr, anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Tr và anh Tr được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị Tr và anh Tr đều xác nhận có một người con chung là cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày: 20/8/2018. Cả chị Tr và anh Tr đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy, anh Tr làm nghề tài xế nên thời gian chăm sóc con không nhiều, còn chị Tr đang làm công nhân tại Công ty Applo có thời gian và thu nhập ổn định để chăm sóc con tốt hơn. Mặt khác, bà Trịnh Thị K là mẹ của chị Tr cho biết hiện nay chị Tr và cháu H đang ở cùng với bà, nếu chị Tr được trực tiếp nuôi con bà sẽ hỗ trợ để chị Tr nuôi con phát triển tốt nhất. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Đến ngày xét xử thì cháu H, sinh ngày 20/8/2018 chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu H, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu H cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Trang không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[2.3] *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Tr và anh Tr xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] **Về án phí**: Buộc chị Tr phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Triều không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 206, 207, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr đối với bị đơn anh Nguyễn Tiến Tr.

Cho chị Nguyễn Thị Tr và anh Nguyễn Tiến Tr được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến H, sinh ngày: 20/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị Trang không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002630 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị Trang đã nộp đủ). Anh Nguyễn Tiến Tr không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến Tr vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn